

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-CDNN ngày 25 tháng 10 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa)

**Tên ngành, nghề: Kế toán doanh nghiệp**

**Mã nghề: 5340302**

**Trình độ đào tạo: Trung cấp**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp từ trung học cơ sở trở lên (*học sinh tốt nghiệp THCS muốn học liên thông lên trình độ cao hơn thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

**Thời gian đào tạo: 2 năm**

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kế toán viên trình độ trung cấp, có phẩm chất chính trị, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có kiến thức về cơ bản vững vàng, có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe, có đủ kiến thức và kỹ năng để tìm việc làm, đồng thời có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### a. Về kiến thức:

- Hiểu được những kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được giao;
- Biết được những kiến thức tin học phổ thông trong công tác kế toán;
- Hiểu được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán;
- Biết được cách cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp.

##### b. Kỹ năng:

- Có khả năng vận dụng được những vấn đề cơ bản về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có khả năng soạn thảo văn bản; sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp thông thường;



- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;
- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
- Tính đúng, tính đủ các loại thuế theo qui định; lập các báo cáo thuế hàng tháng và quyết toán thuế năm (Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp,...)
- Vận dụng chế độ chứng từ kế toán, vận dụng hệ thống tài khoản kế toán, vận dụng các loại sổ sách kế toán, biểu mẫu các báo cáo tài chính phù hợp hình thức kế toán áp dụng ở đơn vị;
- Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp;
- Báo cáo được một số thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- Sử dụng thành thạo một số phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng trên máy vi tính hiện nay

### **c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cộng đồng và thái độ làm việc tốt;
- Có tác phong chuyên nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, có đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, năng động, bản lĩnh, trách nhiệm và có tinh thần hợp tác, thân thiện giúp đỡ đồng nghiệp;
- Có tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm pháp luật trong quản lý kinh tế, tài chính của đơn vị và trong đời sống kinh tế xã hội;
- Tuân thủ các quy định của Luật kế toán, tài chính; chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

- Sau khi học xong ngành kế toán doanh nghiệp, học sinh có cơ hội làm kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, thuộc các thành phần kinh tế.

- Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

## **2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN TOÀN KHÓA HỌC**

- Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 27
- Khối lượng, kiến thức kỹ năng toàn khóa học: 1680 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1425 giờ
- Thời gian học lý thuyết: 533 giờ ; Thời gian học thực hành, thực tập, thí nghiệm: 836 giờ; Thời gian kiểm tra: 56 giờ.

### 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

| Mã<br>MH/<br>MĐ | Tên môn học, mô đun                                   | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian đào tạo (giờ) |              |              |             |
|-----------------|---|------------------|-------------------------|--------------|--------------|-------------|
|                 |   |                  | Tổng<br>số              | Trong đó     |              |             |
|                 |   |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành | Kiểm<br>tra |
| <b>I</b>        | <b>Các môn học chung/đại cương</b>                    | <b>12</b>        | <b>255</b>              | <b>94</b>    | <b>148</b>   | <b>13</b>   |
| MH 01           | Giáo dục chính trị                                    | 2                | 30                      | 15           | 13           | 2           |
| MH 02           | Pháp luật   | 1                | 15                      | 9            | 5            | 1           |
| MH 03           | Giáo dục thể chất                                     | 1                | 30                      | 4            | 24           | 2           |
| MH 04           | Giáo dục quốc phòng - An ninh                         | 2                | 45                      | 21           | 21           | 3           |
| MH 05           | Tin học   | 2                | 45                      | 15           | 29           | 1           |
| MH 06           | Tiếng Anh   | 4                | 90                      | 30           | 56           | 4           |
| <b>II</b>       | <b>Các môn học, mô đun chuyên<br/>môn ngành, nghề</b> | <b>62</b>        | <b>1425</b>             | <b>533</b>   | <b>836</b>   | <b>56</b>   |
| <b>II.1</b>     | <b>Môn học, mô đun cơ sở</b>                          | <b>18</b>        | <b>330</b>              | <b>204</b>   | <b>108</b>   | <b>18</b>   |
| MH 07           | Kinh tế chính trị                                     | 2                | 30                      | 28           | 0            | 2           |
| MH 08           | Luật kinh tế  | 2                | 30                      | 28           | 0            | 2           |
| MH 09           | Soạn thảo văn bản                                     | 2                | 45                      | 15           | 28           | 2           |
| MH 10           | Kinh tế vi mô   | 3                | 60                      | 30           | 27           | 3           |
| MH 11           | Nguyên lý thống kê                                    | 3                | 60                      | 30           | 27           | 3           |
| MH 12           | Lý thuyết tài chính tiền tệ                           | 2                | 30                      | 28           | 0            | 2           |
| MH 13           | Lý thuyết kế toán                                     | 4                | 75                      | 45           | 26           | 4           |
| <b>II.2</b>     | <b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>                     | <b>40</b>        | <b>1005</b>             | <b>283</b>   | <b>688</b>   | <b>34</b>   |
| MH 14           | Thống kê doanh nghiệp                                 | 3                | 60                      | 30           | 27           | 3           |
| MH 15           | Kế toán ngân sách xã, phường                          | 3                | 60                      | 30           | 27           | 3           |
| MH 16           | Phân tích hoạt động kinh doanh                        | 3                | 60                      | 30           | 27           | 3           |
| MH 17           | Kế toán hành chính sự nghiệp                          | 3                | 60                      | 30           | 27           | 3           |
| MH 18           | Thuế  | 2                | 45                      | 15           | 28           | 2           |
| MH 19           | Tài chính doanh nghiệp                                | 4                | 75                      | 45           | 26           | 4           |
| MĐ 20           | Kế toán doanh nghiệp 1                                | 4                | 90                      | 30           | 56           | 4           |
| MĐ 21           | Kế toán doanh nghiệp 2                                | 4                | 90                      | 30           | 56           | 4           |
| MĐ 22           | Thực hành kế toán trong doanh<br>nghiệp sản xuất      | 3                | 90                      | 0            | 87           | 3           |



|             |   |            |               |              |              |            |
|-------------|---|------------|---------------|--------------|--------------|------------|
| MĐ 23       | Tin học kế toán   | 3          | 75            | 15           | 57           | 3          |
| MH 24       | Kiểm toán   | 2          | 30            | 28           | 0            | 2          |
| MĐ 25       | Thực tập tốt nghiệp   | 6          | 270           | 0            | 270          | 0          |
| <b>II.3</b> | <b>Môn học, mô đun tự chọn<br/>(Chọn 2 trong 3 môn học)</b> | <b>4/6</b> | <b>90/135</b> | <b>46/69</b> | <b>40/60</b> | <b>4/6</b> |
| MH 26       | Nguyên lý Marketing   | 2          | 45            | 23           | 20           | 2          |
| MH 27       | Kỹ năng Mềm   | 2          | 45            | 23           | 20           | 2          |
| MH 28       | Quản trị doanh nghiệp                                       | 2          | 45            | 23           | 20           | 2          |
| <b>Tổng</b> |   | <b>74</b>  | <b>1680</b>   | <b>627</b>   | <b>984</b>   | <b>69</b>  |

## 4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 4.1. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa

- Mục đích: Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp.

- Thời gian và nội dung: Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp, gồm các nội dung:

- Tham quan, thực tập tại doanh nghiệp:

+ Tìm hiểu tổ chức hoạt động của doanh nghiệp tại doanh nghiệp;

+ Làm các bài tập lớn, tiểu luận theo yêu cầu các môn học, mô đun đào tạo.

### 4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 8 giờ

### 4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng trung cấp chính quy.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm bao gồm các HP: Kinh tế vi mô; Nguyên lý kế toán và Tài chính doanh nghiệp.

+ Thực hành nghề kế toán: Các kỹ năng về: Lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán; Định khoản và sử dụng chứng từ kế toán để ghi sổ kế

toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết; Lập các báo cáo kế toán, báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo qui định hiện hành:

| Số TT | Môn thi        | Hình thức thi     | Thời gian thi   |
|-------|----------------|-------------------|-----------------|
| 1     | Lý thuyết nghề | Viết              | 150 phút        |
| 2     | Thực hành nghề | Bài thi thực hành | Không quá 2 giờ |

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Hoằng Bá Huyền**

